

Bản án số: 04 /2025/DS- ST
Ngày: 05- 3- 2025.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn
Ông Lương Thanh Văn

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị
xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia
phiên toà:* Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt
Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ
lý số 100/2024/TLST- DS ngày 04/10/2024 về “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 02
năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST- DS ngày 19 tháng 02
năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị N, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn L, xã S,
thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Vũ Duy Q, sinh năm 1989 (vắng mặt)
2. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này
nguyên đơn là chị Đào Thị N trình bày:* Chị và vợ chồng anh Vũ Duy Q và chị
Đinh Thị T là chỗ quen biết. Ngày 05/5/2024 vợ chồng anh Q, chị T vay của chị số
tiền 30.000.000 đồng. Việc vay tiền được lập thành văn bản và có chữ ký của các
bên, điểm chỉ của anh Q, chị T; các bên không thỏa thuận lãi suất, chứng cứ xuất
trình là giấy vay tiền các bên đã ký. Sau khi lập giấy vay tiền, chị giao tiền vay cho

vợ chồng anh Q bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 0341006855130 của anh Q số tiền 29.400.000 đồng, số tiền 600.000 đồng chị trừ vào tiền xăng anh Q mượn ô tô của chị đi trước đó.

Ngày 06/5/2024, vợ chồng anh Q, chị T vay của chị số tiền 17.000.000 đồng. Hai bên lập giấy vay tiền, có chữ ký của các bên và điểm chỉ của vợ chồng chị T, anh Q, các bên thỏa thuận ngày 10/5/2024 chị T anh Q trả chị số tiền vay. Sau khi ký giấy vay tiền chị giao tiền vay cho vợ chồng anh Q bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 0341006855130 của anh Q số tiền 16.800.000 đồng, số tiền 200.000 đồng anh Q giữ lại để mua quà hộ em trai chị.

Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, vợ chồng anh Q, chị T hẹn sau 10 ngày sẽ trả. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh Q, chị T không trả chị tiền vay.

Nay chị yêu cầu anh Q, chị T trả số tiền gốc là 47.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với lãi suất 10%/1 năm thời gian từ khi quá hạn đến nay.

Anh Vũ Duy Q là bị đơn trình bày:

Ngày 05/5/2024, vợ chồng anh vay của chị Đào Thị N số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2000 đồng/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay là 10 ngày (ngày trả là 15/5/2024). Việc vay tiền được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và điểm chỉ của vợ chồng anh. Sau khi ký giấy vay tiền chị N giao cho anh số tiền 29.400.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 0341006855130 của anh tại Ngân hàng V. Lý do chị N chỉ chuyển số tiền 29.400.000 đồng là do chị N cắt luôn tiền lãi của khoản tiền vay trong thời hạn 10 ngày.

Ngày 06/5/2024, do cần tiền trả nợ, vợ chồng anh vay của chị N 17.000.000 đồng. Khi vay hai bên lập giấy vay tiền, có chữ ký của các bên và điểm chỉ của vợ chồng anh, thỏa thuận lãi 2000 đồng/1 triệu/ngày, thời hạn trả ngày 10/5/2024. Sau khi ký giấy vay tiền, chị N giao cho anh số tiền 16.800.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 0341006855130 của anh tại Ngân hàng V. Lý do chị N chuyển số tiền 16.800.000 đồng là do chị N cắt luôn tiền lãi của khoản tiền vay từ ngày 06/5/2024 đến ngày 10/5/2024.

Tòa án yêu cầu anh xuất trình chứng cứ chứng minh 02 lần vay tiền khi chị N giao tiền vay đều cắt luôn tiền lãi, anh không có chứng cứ đề xuất trình.

Đến hạn trả nợ, chị N nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền vay nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng anh xin trả dần nhưng chị N không đồng ý.

Nay chị N yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền vay là 47.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với lãi suất 10%/năm, thời gian từ khi quá hạn đến nay, anh đồng ý. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ chồng anh xin trả dần.

Chị Đinh Thị T là bị đơn trình bày: Chị đồng ý lời trình bày của anh Q.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào Điều 288; Điều 357; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc vợ chồng chị Đinh Thị T và anh Vũ Duy Q phải trả chị Đào Thị N số tiền gốc đã vay là 47.000.000 đồng và tiền lãi là 3.769.047 đồng, tổng cộng 50.769.047 đồng.

Về án phí: vợ chồng chị Đinh Thị T và anh Vũ Duy Q phải chịu 2.538.452 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền:* Chị Đào Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp dân sự, các bên không tự giải quyết được. Anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T là bị đơn cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về thời hiệu:* Ngày 05 tháng 5 năm 2024 anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T vay của chị Đào Thị N số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày (tức ngày 15/5/2024 thanh toán). Ngày 06/5/2024, anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T vay của chị Đào Thị N số tiền 17.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 ngày (tức ngày 10/5/2024 thanh toán). Ngày 02 tháng 10 năm 2024, chị N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 47.000.000 đồng Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn và chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có đủ căn cứ xác định:

Ngày 05 tháng 5 năm 2024, anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T vay của chị Đào Thị N số tiền 30.000.000 đồng, vay có giấy biên nhận anh Q và chị T đều ký vào giấy vay tiền, thời hạn vay là 10 ngày (tức ngày trả trả là 15/5/2024). Ngày 06/5/2024 anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T vay của chị Đào Thị N số tiền 17.000.000 đồng, vay có giấy biên nhận anh Q và chị T đều ký vào giấy vay tiền, thời hạn vay là 05 ngày (tức ngày trả trả là 10/5/2024) là có thật. Đến hạn, anh Q và chị T không trả tiền gốc. Anh Q và chị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Q và chị T trả số tiền 47.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của số tiền 47.000.000 đồng, thời gian từ ngày quá hạn cho đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ nhận định tại tiểu mục 2.1, đến hạn (ngày 15/5/2024 và ngày 10/5/2024) anh Q và chị T không trả chị N tiền gốc, nay chị N yêu cầu anh Q và chị T trả tiền lãi của số tiền 47.000.000 đồng với lãi suất 10%/1 năm, thời gian từ khi quá hạn đến nay. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Do chị N tự nguyện yêu cầu anh Q, chị T trả lãi suất là 10%/năm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh Q và chị T trả chị N số tiền lãi như sau:

-Số tiền lãi của số tiền gốc là 30.000.000 đồng từ ngày 16/5/2024 đến ngày 05/3/2025 là:

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/1 \text{ tháng} (10\%/1 \text{ năm}) \times 09 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 2.390.710 \text{ đồng}.$

-Số tiền lãi của số tiền gốc là 17.000.000 đồng từ ngày 11/5/2024 đến ngày 05/3/2025 là:

$17.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/1 \text{ tháng} (10\%/1 \text{ năm}) \times 09 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 1.378.337 \text{ đồng}.$

[2.3] Từ những lập luận trên, căn cứ Điều 463; khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử buộc anh Q chị T trả chị N số tiền là:

$47.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 2.390.710 \text{ đồng tiền lãi} + 1.378.337 \text{ đồng tiền lãi} = 50.769.047 \text{ đồng}.$

[2.4] Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận toàn bộ, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.1] Anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.769.047 đồng x 5% = 1.375.000 đồng.

[3.2] Hoàn trả chị N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 429, 463, khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị N

1. Buộc anh Vũ Quy Q1 và chị Đinh Thị T trả chị Đào Thị N số tiền gốc là 47.000.000 đồng, tiền lãi là 3.769.047 đồng, tổng cộng 50.769.047 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu bảy trăm sáu chín nghìn không trăm bốn bảy đồng*)

2. *Về án phí*:

2.1. Anh Vũ Duy Q và chị Đinh Thị T phải chịu 2.538.452 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu năm trăm ba tám nghìn bốn trăm năm hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chị Đào Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.375.000 đồng(*Bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001365 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án*:

- *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX Việt Yên;
- Chi cục THADS TX Việt Yên;
- Dương sự; Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương